Mô hình Usecase Phần mềm quản lý cửa hàng Gà Rán

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

0912430 – Hà Thị Phương Thảo

0912510 – Lê Văn Tuấn

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Tác giả** |
| 08/10/2011 | 1.0 | Vẽ sơ đồ usecase.  Tạo mới tài liệu, mô tả các usecase của 3 actor : Nhân viên tiếp tân, khách hàng và nhân viên quản lý.  Usecase #6 chưa hoàn thiện. | Lê Văn Tuấn |
| 8/10/2011 | 2.0 | Modify main flow, subflows  Remove usecase #13 : Xem thống kê đơn đặt hàng | Lê Văn Tuấn |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc305875585)

[2. Danh sách các Actor 4](#_Toc305875586)

[3. Danh sách các Use-case 5](#_Toc305875587)

[4. Đặc tả Use-case 5](#_Toc305875588)

[4.1 Đặc tả Use-case “Xem món ăn” 5](#_Toc305875589)

[4.2 Đặc tả Use-case “Đặt món ăn” 6](#_Toc305875590)

[4.3 Đặc tả Use-case “Xem các món ăn đã đặt” 7](#_Toc305875591)

[4.4 Đặc tả Use-case “Hủy đặt món ăn” 8](#_Toc305875592)

[4.5 Đặc tả Use-case “Xem hóa đơn” 9](#_Toc305875593)

[4.6 Đặc tả Use-case “Thanh toán hóa đơn” 9](#_Toc305875594)

[4.7 Đặc tả Use-case “Hẹn giờ trả món ăn” 10](#_Toc305875595)

[4.8 Đặc tả Use-case “Xác nhận món ăn đã thực hiện xong” 11](#_Toc305875596)

[4.9 Đặc tả Use-case “Chỉnh sửa đơn đặt hàng” 11](#_Toc305875597)

[4.10 Đặc tả Use-case “Tính tiền” 12](#_Toc305875598)

[4.11 Đặc tả Use-case “Tạo mới đơn đặt hàng” 13](#_Toc305875599)

[4.12 Đặc tả Use-case “Xem thống kê hóa đơn” 14](#_Toc305875600)

# Sơ đồ Use-case









# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
|  | Khách hàng |  |
|  | Nhân viên tiếp tân | Nhân viên tiếp tân + tính tiền |
|  | Nhân viên nhà bếp |  |
|  | Nhân viên quản lý | Quản lý cửa hàng |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
|  | Xem món ăn | Khách hàng xem món ăn |
|  | Đặt món ăn | Đặt món ăn phải xem món ăn |
|  | Xem các món ăn đã đặt | Xem các mon ăn đã đặt, khách hàng và nhân viên nhà bếp, nhân viên tiếp tân và nhân viên quản lý có thể thực hiện chức năng này |
|  | Hủy đặt món ăn | Hủy các món ăn đã đặt. Khách hàng và nhân viên tiếp tân có thể thực hiện. |
|  | Xem hóa đơn | Có thể xem các món ăn đã dặt. Khách hàng, nhân viên tiếp tân và quản lý có thể thực hiện chức năng này. |
|  | Thanh toán hóa đơn | Có thể xem hóa đơn. Khách hàng và nhân viên tiếp tân có thể thực hiện. |
|  | Hẹn giờ trả món ăn | Nhà bếp hẹn giờ sau khi đã nhận được đặt hàng |
|  | Xác nhận món ăn đã thực hiện xong | Nhân viên nhà bếp thực hiện |
|  | Chỉnh sửa đơn đặt hàng | Nhân viên tiếp tân thực hiện |
|  | Tính tiền | Nhân viên tiếp tân thực hiện |
|  | Tạo mới đơn đặt hàng | Nhân viên tiếp tân thực hiện trong trường hợp đơn đặt hàng qua điện thoại |
|  | Xem thống kê hóa đơn | Nhân viên quản lý thực hiện |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Xem món ăn”

### Tóm tắt

Khách hàng xem món ăn khi muốn đặt món ăn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích chuột vào button Xem món ăn
2. Hiển thị danh sách các món ăn có đính kèm hình ảnh và giá tiền. Kèm theo button Chọn món ăn phía dưới mỗi món ăn
3. Actor có thể xem và chọn món ăn

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Không.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Nếu có chọn món ăn và đặt hàng thì đơn đặt hàng sẽ được chuyển tới tiếp tân để tạo hóa đơn và chuyển vào nhà bếp để thực hiện.

Khách hàng có thể xem các món ăn đã đặt sau đó và có thể xem hóa đơn.

### Điểm mở rộng

Nếu khách hàng có chọn món ăn thì một đơn đặt hàng được tạo ra và tự động thêm món ăn đã được chọn vào danh sách. Sau khi xem và chọn món ăn xong thì nhấn nút Đặt món ăn. Khách hàng sẽ chuyển qua usecase đặt món ăn.

## Đặc tả Use-case “Đặt món ăn”

### Tóm tắt

Khách hàng có thể đặt món ăn thông qua button Đặt món ăn hoặc từ usecase xem món ăn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích chuột vào button Đặt món ăn
2. Hiển thị danh sách các món ăn có đính kèm hình ảnh và giá tiền. Kèm theo button Chọn món ăn phía dưới mỗi món ăn
3. Actor có thể xem và chọn món ăn
4. Sau khi chọn xong, khách hàng kiểm tra lại danh sách món ăn nhấn nút Kết thúc đặt món ăn hoặc nhấn nút Hủy đặt món ăn để hủy việc đặt món ăn hiện tại. Hệ thống sẽ nhân danh sách món ăn, chuyển vào nhà bếp để thực hiện món ăn và chuyển ra tiếp tân để tạo hóa đơn.

#### Các dòng sự kiện khác

Hủy đặt món ăn.

1. Khách hàng không kích vào nút Kết thúc đặt món ăn mà kích vào nút Hủy đặt món ăn.
2. Hệ thống sẽ xóa danh sách món ăn đã chọn và chuyển về usecase Xem món ăn

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Không.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Nếu có chọn món ăn và đặt hàng thì đơn đặt hàng sẽ được chuyển tới tiếp tân để tạo hóa đơn và chuyển vào nhà bếp để thực hiện.

Khách hàng có thể xem các món ăn đã đặt sau đó và có thể xem hóa đơn.

### Điểm mở rộng

Khách hàng có thể đặt món ăn từ usecase Xem món ăn.

Danh sách món ăn đặt được chuyển vào nhà bếp để thực hiên và chuyển ra tiếp tân để tạo hóa đơn.

Sau khi đặt món ăn xong, khách hàng có thể xem thời gian thực hiện món ăn và xem hóa đơn.

## Đặc tả Use-case “Xem các món ăn đã đặt”

### Tóm tắt

Khách hàng có thể xem các mon ăn đã đặt sau khi đặt hàng xong.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích chuột vào button Xem món ăn đã đặt
2. Hiển thị danh sách các món ăn có đính kèm hình ảnh và giá tiền. Kèm theo thời gian hoàn thành.
3. Có thể ấn nút Hủy món ăn để thực hiện hủy một món ăn

#### Các dòng sự kiện khác

Hủy đặt món ăn

1. Actor click Hủy món ăn
2. Hệ thống kiểm tra điều kiện hủy món và tiến hành hủy
3. Cập nhật lại danh sách món ăn đã đặt

### Các yêu cầu đặc biệt

Phải đặt món ăn trước khi thực hiện usecase này

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Đã tồn tại đơn đặt hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Không thay đổi

### Điểm mở rộng

Kèm theo danh sách các món ăn đã đặt là thời gian hoàn thành và có thể xem hóa đơn.

## Đặc tả Use-case “Hủy đặt món ăn”

### Tóm tắt

Khách hàng và nhân viên tiếp tân có thể hủy đặt món ăn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích chuột vào button Hủy món ăn
2. Hiển thị danh sách các món ăn có đính kèm hình ảnh và giá tiền. Kèm theo button Hủy món ăn phía dưới mỗi món ăn
3. Kiểm tra điều kiện : nếu như món ăn đó nhà bếp chưa bắt đầu thực hiện thì được phép hủy. Nếu đang thực hiện món ăn thì không cho Hủy.
4. Nếu Hủy thành công, cập nhật lại danh sách món ăn và cập nhật lại hóa đơn.

#### Các dòng sự kiện khác

Hủy không thành công thì chuyển sang Màn hình Xem các món ăn đã đặt.

### Các yêu cầu đặc biệt

Đã đặt món ăn và phải thỏa điều kiện hủy thì mới được hủy

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Đã đặt món ăn

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Nếu Hủy thành công, cập nhật lại danh sách các món ăn đã đặt và cập nhật lại hóa đơn

Nếu Hủy không thành công, quay về màn hình xem danh sách các món ăn đã đặt

### Điểm mở rộng

Liên kết với usecase Xem các món ăn đã đặt nếu Hủy món ăn không thành công

## Đặc tả Use-case “Xem hóa đơn”

### Tóm tắt

Khách hàng và nhân viên tiếp tân và quản lý có thể xem hóa đơn sau khi đã đặt hàng thành công.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích chuột vào button Xem hóa đơn
2. Hiển thị hóa đơn kèm theo danh sách các món ăn đã đặt. Kèm theo button Thanh toán phía dưới hóa đơn.

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu Button Thanh toán được nhấn thì chuyển qua usecase Tính tiền

### Các yêu cầu đặc biệt

Đã đặt món ăn.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Đã đặt món ăn

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Không thay đổi

### Điểm mở rộng

Liên kết với usecase Tính tiền nếu button Thanh toán được nhấn

## Đặc tả Use-case “Thanh toán hóa đơn”

### Tóm tắt

Khách hàng và nhân viên tiếp tân thực hiện thanh toán hóa đơn sau khi Khách hàng đã dùng món ăn xong và yêu cầu thanh toán

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

#### Các dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

### Điểm mở rộng

## Đặc tả Use-case “Hẹn giờ trả món ăn”

### Tóm tắt

Nhân viên nhà bếp hẹn giờ trả món ăn sau khi đã nhận xong được danh sách món ăn đã được chuyển vào.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích vào button Hẹn giờ trả món ăn ở dưới món ăn
2. Hiển thị hộp thoại nhập thời gian hẹn
3. Cập nhật lại danh sách món ăn

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Danh sách món ăn đã được chuyển vào nhà bếp

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Đã đặt món ăn

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Cập nhật lại danh sách món ăn (có thêm thời gian chờ)

### Điểm mở rộng

Liên kết với usecase xem các món ăn đã đặt và xác nhận món ăn đã thực hiện xong

## Đặc tả Use-case “Xác nhận món ăn đã thực hiện xong”

### Tóm tắt

Nhân viên nhà bếp thực hiện chức năng này sau khi thực hiện xong món ăn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích vào button Hoàn tất món ăn
2. Cập nhật lại danh sách món ăn và chuyển sang món ăn kế tiếp
3. Thông báo với tiếp viên đã hoàn thành món ăn để tiếp viên mang món ăn ra cho khách hàng

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Đã đặt món ăn và hiện danh sách món ăn đã đặt

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Danh sách món ăn đã được hiện

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Cập nhật lại thông tin món ăn (đã hoàn thành) và thông báo với tiếp viên.

### Điểm mở rộng

Không.

## Đặc tả Use-case “Chỉnh sửa đơn đặt hàng”

### Tóm tắt

Nhân viên tiếp tân có thể chỉnh sửa đơn đặt hàng do mình tạo ra (đơn hàng được tạo ra do khách hàng đặt hàng qua điện thoại)

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor thực hiện usecase Xem món ăn đã đặt
2. Actor thực hiện các thao tác Hủy món ăn, Thêm món ăn.
3. Kiểm tra điều kiện cập nhật đơn đặt hàng và cập nhật
4. Cập nhật lại đơn đặt hàng

#### Các dòng sự kiện khác

Hủy món ăn không thành công : Nếu món ăn đang được thực hiện thì không được phép Hủy

### Các yêu cầu đặc biệt

Đã đặt món ăn và phải thỏa điều kiện hủy thì mới được hủy

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Đã đặt món ăn

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Cập nhật lại danh sách món ăn đã đặt sau khi thực hiện xong.

### Điểm mở rộng

Quay về usecase Xem món ăn đã đặt sau khi thực hiện xong.

## Đặc tả Use-case “Tính tiền”

### Tóm tắt

Khách hàng và nhân viên tiếp tân có thể tính tiền sau khi khách hang đã dùng món ăn xong.

Có thể thực hiện tại bàn ăn hoặc tài quầy tiếp tân.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích vào button Thanh toán
2. Hiển thị hóa đơn và tổng tiền cần phải thanh toán
3. Thực hiện thanh toán
4. Cập nhật lại tình trạng hóa đơn : đã thanh toán

#### Các dòng sự kiện khác

Không

### Các yêu cầu đặc biệt

Đã kết xuất xong hóa đơn.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hóa đơn trong tình trạng chưa thanh toán

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Cập nhật hóa đơn sang trạng thái Đã thanh toán

### Điểm mở rộng

Không.

## Đặc tả Use-case “Tạo mới đơn đặt hàng”

### Tóm tắt

Nhân viên tiếp tân có thể tạo mới đơn đặt hàng trong trường hợp đặt hàng qua điện thoại.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích vào button Tạo mới đơn đăt hàng
2. Actor lựa chọn các món ăn và kích nút Hoàn tất đặt hàng
3. Kiểm tra danh sách món ăn, tạo đơn đặt hàng, tạo hóa đơn, chuyển đơn đặt hàng cho nhà bếp.

#### Các dòng sự kiện khác

Hủy đặt hàng :

1. Actor kích vào button Hủy đặt hàng
2. Chuyển sang màn hình chính của phần mềm

### Các yêu cầu đặc biệt

Không

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Không

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Tạo mới một đơn đặt hàng, tạo mới hóa đơn, chuyển đơn đặt hàng cho nhà bếp.

### Điểm mở rộng

Có thể đặt món ăn từ usecase Xem món ăn.

Danh sách món ăn đặt được chuyển vào nhà bếp để thực hiên và chuyển ra tiếp tân để tạo hóa đơn.

Sau khi đặt món ăn xong, có thể xem thời gian thực hiện món ăn và xem hóa đơn.

## Đặc tả Use-case “Xem thống kê hóa đơn”

### Tóm tắt

Quản lý cửa hàng có thể xem thông kê hóa đơn của của hàng theo ngày, theo tuần, theo tháng, theo quý và theo năm

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Actor kích vào button Xem thống kê Hóa đơn
2. Hệ thống kiểm tra và kết xuất

#### Các dòng sự kiện khác

Không

### Các yêu cầu đặc biệt

Không

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Không

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Không

### Điểm mở rộng

Không